

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: *H/2* /CV-HLC
“V/v: Công bố thông tin BCTC
năm 2016”

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội;
Các cổ đông của công ty.

1. Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM-VINACOMIN
2. Mã chứng khoán: HLC
3. Trụ sở chính: Số 1, Phố Tân lập, Phường Hà lâm, Thành phố Hạ long,
Tỉnh Quảng ninh
4. Điện thoại: 0333 825339; Fax: 0333 821203.
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Nhân viên công bố thông tin : **Vũ Thị Minh Thanh**
6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1 Báo cáo tài chính Năm 2016 của Công ty cổ phần than Hà lâm -
Vinacomin được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017, bao gồm:
 - (1) Bảng cân đối Kế toán.
 - (2) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
 - (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - (4) Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 6.2 Bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau kiểm toán.
7. Địa chỉ trang Website đăng toàn bộ báo cáo tài chính:
Website: <http://www.halamcoal.com.vn>
Email: halamcoal@vnn.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Vũ Thị Minh Thanh

số 413- HLC-KT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2017

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội;
Các cổ đông của công ty.

Thực hiện nội dung của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06-10-2016 của bộ Tài chính và các văn bản quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, khoản chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 sau kiểm toán của Công ty cổ phần than Hà lâm - Vinacomin như sau:

Chỉ tiêu	Theo báo cáo tài chính năm 2016 sau kiểm toán (VNĐ)	Theo báo cáo tài chính năm 2016 tự lập (VNĐ)	Chênh lệch(VNĐ)
Lợi nhuận sau thuế	42.203.384.331	37.613.562.845	4.589.821.486

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 sau kiểm toán chênh lệch 4.589.821.486 đồng. Là do công ty thực hiện phân bổ lại chi phí theo ý kiến của kiểm toán và tính lại giá vốn.

Chúng tôi cam đoan những thông tin trên báo cáo tài chính là hoàn toàn chính xác và có tính minh bạch cao.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- VP (công bố trên Website);
- Lưu: VP; KT.



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trần Mạnh Cường

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7-8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11-47



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (Trước đây là Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-TKV) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, thay đổi về tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700101637 thay đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2010, thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015, vốn điều lệ của Công ty là 254.151.990.000 VND được chia thành 25.415.199 cổ phần.

2. Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị trí như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Trịnh	(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Đến hết ngày 29/05/2016)
- Ông Phạm Trung Tuấn	(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ ngày 30/05/2016)
- Ông Trần Mạnh Cường	Ủy viên
- Ông Trương Ngọc Linh	Ủy viên
- Ông Phạm Hồng Hạnh	(ii) Ủy viên
- Ông Vũ Ngọc Thắng	Ủy viên
- Ông Đinh Trung Kiên	(ii) Ủy viên (Từ ngày 21/4/2016)

(i) Theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 30/05/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin

(ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị trí như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Mạnh Cường	Giám đốc
- Ông Phạm Khắc Thừ	Phó Giám đốc
- Ông Trương Ngọc Linh	Phó Giám đốc
- Ông Cao Việt Phương	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Thắng	Phó Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Trần Thị Kim Loan	(i) Trưởng ban (Đến hết ngày 20/4/2016)
- Ông Bùi Hữu Đăng	(i) Trưởng ban (Từ ngày 21/4/2016)
- Ông Mai Duy Ngọc	Thành viên
- Ông Trịnh Xuân Khoa	Thành viên

(i) Theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin và theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Trần Mạnh Cường

Số: 54/2017/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 47 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đỗ Thị Ánh Tuyết

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0079-2015-242-1

Nguyễn Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2016-242-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.501.145.361	218.384.532.058
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.269.600.043	657.908.253
Tiền	111		1.269.600.043	657.908.253
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.982.906.370	41.679.454.617
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	145.509.360.764	30.561.427.509
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.999.503.538	5.695.685.826
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.474.042.068	5.422.341.282
Hàng tồn kho	140	5.4	92.969.738.954	120.076.974.288
Hàng tồn kho	141		92.969.738.954	134.401.473.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(14.324.499.529)
Tài sản ngắn hạn khác	150		60.278.899.994	55.970.194.900
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	15.473.453.382	33.656.013.217
Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.805.446.612	2.417.373.246
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	-	19.896.808.437
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.877.275.365.159	2.982.020.078.567
Các khoản phải thu dài hạn	210		25.295.448.793	21.184.001.359
Trả trước cho người bán dài hạn	212		7.784.049.680	7.426.994.380
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	17.511.399.113	13.757.006.979
Tài sản cố định	220		2.927.728.348.297	1.872.583.567.829
TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.927.634.222.270	1.872.477.441.802
- Nguyên giá	222		4.504.043.990.298	3.118.115.494.182
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.576.409.768.028)	(1.245.638.052.380)
TSCĐ vô hình	227	5.7	94.126.027	106.126.027
- Nguyên giá	228		861.052.447	861.052.447
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(766.926.420)	(754.926.420)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.5	745.766.037.870	955.020.790.548
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		745.766.037.870	955.020.790.548
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		178.485.530.199	133.231.718.831
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	178.485.530.199	133.231.718.831
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.181.776.510.520	3.200.404.610.625

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.881.249.566.090	2.943.177.753.830
Nợ ngắn hạn	310		597.614.075.886	424.393.623.082
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	231.855.759.856	66.399.252.221
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	104.434.783.004
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	13.296.999.370	22.640.792.674
Phải trả người lao động	314		79.224.690.957	89.849.751.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	290.181.820	155.729.629
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.368.483.083	12.399.756.774
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	257.230.205.359	52.474.127.093
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	8.123.620.380	60.621.474.147
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.224.135.061	15.417.955.839
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		3.283.635.490.204	2.518.784.130.748
Phải trả người bán dài hạn	331	5.10	309.604.632.305	101.074.614.089
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	2.974.030.857.899	2.417.709.516.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		300.526.944.430	257.226.856.795
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	300.526.944.430	257.226.856.795
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		254.151.990.000	254.151.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.151.990.000	254.151.990.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.171.570.099	4.171.570.099
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.203.384.331	(1.096.703.304)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.096.703.304)	(1.096.703.304)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.300.087.635	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.181.776.510.520	3.200.404.610.625

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIAM ĐỐC



ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

VŨ THỊ MINH THANH

TRẦN MẠNH CƯỜNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.404.647.369.620	2.245.210.084.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		2.404.647.369.620	2.245.210.084.063
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.933.908.192.219	1.858.985.402.387
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		470.739.177.401	386.224.681.676
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	472.930.011	11.003.511.541
Chi phí tài chính	22	6.4	203.036.275.200	155.499.587.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		203.036.275.200	153.705.760.805
Chi phí bán hàng	25	6.7	40.383.943.588	35.344.140.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	172.551.956.665	169.905.490.768
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.239.931.959	36.478.974.389
Thu nhập khác	31	6.5	3.313.614.352	8.732.529.724
Chi phí khác	32	6.6	4.160.528.014	5.563.965.144
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(846.913.662)	3.168.564.580
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.393.018.297	39.647.538.969
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	11.092.930.662	8.727.520.773
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		43.300.087.635	30.920.018.196
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	961,32	854,98
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH



Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC

TRẦN MẠNH CƯỜNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	54.393.018.297	39.647.538.969
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	346.142.509.648	205.272.544.362
Các khoản dự phòng	03	(14.324.499.529)	13.146.055.041
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.193.322.011)	(2.482.609.252)
Chi phí lãi vay	06	203.036.275.200	153.705.760.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	587.053.981.605	409.289.289.925
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(105.886.078.507)	32.792.253.028
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	41.431.734.863	(702.342.391)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(291.660.740.633)	(168.054.348.860)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(27.071.251.533)	(29.215.560.666)
Tiền lãi vay đã trả	14	(203.029.186.311)	(153.771.668.132)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.493.982.747)	(9.905.321.550)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.216.922	6.573.457.068
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.401.211.947)	(5.563.965.144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.053.518.288)	81.441.793.278
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(739.171.429.734)	(600.912.651.125)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.720.392.000	2.159.072.656
Thủ lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	472.930.011	57.671.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(736.978.107.723)	(598.695.906.979)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.514.793.497.520	2.550.309.535.291
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.753.716.078.014)	(2.019.774.096.856)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.434.101.705)	(13.200.654.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	756.643.317.801	517.334.784.074
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	611.691.790	80.670.373
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	657.908.253	577.237.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.269.600.043	657.908.253

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

VŨ THỊ MINH THANH



GIÁM ĐỐC

TRẦN MẠNH CƯỜNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (trước đây là Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, thay đổi về tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700101637 thay đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2010, thay đổi lần thứ hai ngày 21/05/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 15/09/2011, thay đổi lần thứ tư ngày 01/07/2013, thay đổi lần thứ năm ngày 25/12/2013, thay đổi lần thứ sáu ngày 23/07/2015, thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; và
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

Hoạt động chính của Công ty trong năm là Khai thác, chế biến và kinh doanh than; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại số 01 phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đến ngày 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 3.628 người, trong đó số cán bộ quản lý là 439 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá | Nhập trước xuất trước |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

140640
NG TY
HIỆM HỮU
KF
T NAM
AN - 3

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị: 3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác: 3 - 7 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm: 3 - 10 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phí cấp quyền khai thác khoáng sản và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là Phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho Nhà nước theo sản lượng khai thác đã thực hiện trong kỳ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700100707 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 254.151.990.000 VND được chia thành 25.415.199 cổ phần.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than, giá vốn cung cấp dịch vụ và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm giá vốn. Trong đó, giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí khác phát sinh trong năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu bán than : 10%
- Xây dựng và các loại dịch vụ, vật tư hàng hóa khác : 10%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với nước đóng chai : 5%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	201.606.913	27.451.807
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.067.993.130	630.456.446
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>1.269.600.043</u>	<u>657.908.253</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2016 bao gồm:		VND
Đồng Việt Nam		201.606.913
Cộng		<u>201.606.913</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:		VND
Đồng Việt Nam		
Ngân hàng Ngoại Thương Quảng Ninh		381.804.970
Ngân hàng Công Thương Quảng Ninh		191.329.401
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Quảng Ninh		332.040.451
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội CN Quảng Ninh		158.894.395
Ngân hàng TMCP Quốc tế		3.923.913
Cộng		<u>1.067.993.130</u>

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	145.509.360.764	30.561.427.509
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	26.957.778	29.679.192.063
Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	117.882.767.544	-
Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	23.468.161.060	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.131.474.382	882.235.446
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>145.509.360.764</u>	<u>30.561.427.509</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.474.042.068	-	5.422.341.282	-
Chi phí Lập đề án khoan thăm dò bổ sung phục vụ cơ giới hóa mỏ than Hà Lâm	-	-	1.586.961.297	-
Quỹ lao động dôi dư	344.850.000	-	1.798.000.000	-
Kinh phí công đoàn	-	-	191.787.873	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.275.530.471	-
Quỹ môi trường	377.226.942	-	-	-
Phải thu khác	751.965.126	-	570.061.641	-
b. Dài hạn	17.511.399.113	-	13.757.006.979	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	17.511.399.113	-	13.757.006.979	-
Cộng	18.985.441.181	-	19.179.348.261	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	23.404.360.343	-	27.249.078.424	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.700.937.011	-	63.904.400.399	(14.185.267.974)
Thành phẩm	30.713.419.668	-	42.980.119.023	(139.231.555)
Hàng hoá	151.021.932	-	267.875.971	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	92.969.738.954	-	134.401.473.817	(14.324.499.529)

Lý do hoàn nhập dự phòng: giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm cao hơn giá gốc của hàng tồn kho.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	745.766.037.870	-	955.020.790.548	-
- Mua sắm	-	-	1.584.001.445	-
- XDCB	745.766.037.870	-	953.436.789.103	-
Đầu tư Khai thác phần dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm	745.766.037.870	-	947.128.319.444	-
Cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên khu II vỉa 11	-	-	6.039.340.806	-
Các công trình khác	-	-	269.128.853	-
- Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	745.766.037.870	-	955.020.790.548	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.379.016.324.306	1.549.868.598.258	150.823.425.425	38.407.146.193	3.118.115.494.182
- Mua trong năm	-	678.786.371.005	-	4.234.536.365	683.020.907.370
- Đầu tư XDCB hoàn thành	703.821.278.036	14.944.206.657	-	-	718.765.484.693
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.554.793.996)	-	-	(15.554.793.996)
- Giảm khác	(303.101.951)	-	-	-	(303.101.951)
Số dư cuối năm	2.082.534.500.391	2.228.044.381.924	150.823.425.425	42.641.682.558	4.504.043.990.298
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	347.814.294.484	712.193.906.089	150.823.425.425	34.806.426.382	1.245.638.052.380
- Khấu hao trong năm	127.952.147.133	216.919.048.867	-	1.259.313.644	346.130.509.644
- Hao mòn trong năm	196.000.000	-	-	-	196.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.554.793.996)	-	-	(15.554.793.996)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	475.962.441.617	913.558.160.960	150.823.425.425	36.065.740.026	1.576.409.768.028
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.031.202.029.822	837.674.692.169	-	3.600.719.811	1.872.477.441.802
Tại ngày cuối năm	1.606.572.058.774	1.314.486.220.964	-	6.575.942.532	2.927.634.222.270
Trong đó: - Nguyên giá tài sản thế chấp, cầm cố					2.950.186.303.318
- Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng					826.101.603.887
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý					-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán, vật tư VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	861.052.447	-	861.052.447
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	861.052.447	-	861.052.447
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	754.926.420	-	754.926.420
- Khấu hao trong kỳ	12.000.000	-	12.000.000
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	766.926.420	-	766.926.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	106.126.027	-	106.126.027
Tại ngày cuối kỳ	94.126.027	-	94.126.027

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	15.473.453.382	33.656.013.217
Chi phí sửa chữa TSCĐ	15.129.777.840	33.414.861.385
Chi phí mua bảo hiểm	308.258.877	241.151.832
Các khoản khác	35.416.665	-
b. Dài hạn	178.485.530.199	133.231.718.831
Chi phí công cụ dụng cụ	1.879.350.827	20.813.514.470
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	28.824.882.308	6.309.975.718
Chi phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, TDKS của Nhà nước	61.869.283.084	62.936.988.203
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	78.508.134.825	43.171.240.440
Các khoản khác	7.403.879.155	-
Cộng	193.958.983.581	166.887.732.048

3440640
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
PKF
VIỆT NAM
QUẢN LÝ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	52.474.127.093	52.474.127.093	1.712.690.682.329	1.557.739.581.331	207.425.228.091	207.425.228.091
Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh	-	-	401.260.743.227	401.260.743.227	-	-
Ngân hàng Công thương Quảng Ninh	45.486.044.186	45.486.044.186	802.446.970.560	724.093.061.979	123.839.952.767	123.839.952.767
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.988.082.907	6.988.082.907	300.489.170.393	223.891.977.976	83.585.275.324	83.585.275.324
Ngân hàng Đầu tư và phát triển QN	-	-	208.493.798.149	208.493.798.149	-	-
b. Gốc vay dài hạn						
Vay có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm	2.417.709.516.659	2.417.709.516.659	802.102.815.191	195.976.496.683	3.023.835.835.167	3.023.835.835.167
Ngân hàng Công thương VN Quảng Ninh	1.334.899.038.281	1.334.899.038.281	498.449.377.700	167.268.125.000	1.666.080.290.981	1.666.080.290.981
Ngân hàng Ngoại thương VN Quảng Ninh	403.342.590.376	403.342.590.376	18.217.696.560	12.000.000.000	409.560.286.936	409.560.286.936
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Hạ Long	214.119.096.356	214.119.096.356	216.135.940.931	16.626.371.683	413.628.665.604	413.628.665.604
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Hòn Gai	-	-	37.719.800.000	-	37.719.800.000	37.719.800.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển QN	465.348.791.646	465.348.791.646	31.580.000.000	82.000.000	496.846.791.646	496.846.791.646
Cộng	2.470.183.643.752	2.470.183.643.752	2.514.793.497.520	1.753.716.078.014	3.231.261.063.258	3.231.261.063.258



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	01/01/2016 (VND)		31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	-	-	49.804.977.268	49.804.977.268
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	19.464.375.000	19.464.375.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	-	-
Ngân hàng SHB Hạ Long	-	-	10.340.602.268	10.340.602.268
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Quảng Ninh	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	2.470.183.643.752	2.470.183.643.752	3.231.261.063.258	3.231.261.063.258
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	52.474.127.093	52.474.127.093	257.230.205.359	257.230.205.359
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	2.417.709.516.659	2.417.709.516.659	2.974.030.857.899	2.974.030.857.899



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	231.855.759.856	231.855.759.856	66.399.252.221	66.399.252.221
Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	22.515.170.935	22.515.170.935	1.111.418.352	1.111.418.352
Phải trả cho các đối tượng khác	209.340.588.921	209.340.588.921	65.287.833.869	65.287.833.869
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	309.604.632.305	309.604.632.305	101.074.614.089	101.074.614.089
Công ty Cổ phần XNK than - Vinacomin	61.818.948.225	61.818.948.225	4.051.920.000	4.051.920.000
Công ty CP Đầu tư, khoáng sản và dịch vụ	69.402.491.451	69.402.491.451	-	-
Công ty Cổ phần cơ điện Asean	139.148.516.719	139.148.516.719	2.731.233.443	2.731.233.443
Phải trả cho các đối tượng khác	39.234.675.910	39.234.675.910	94.291.460.646	94.291.460.646
Cộng	541.460.392.161	541.460.392.161	167.473.866.310	167.473.866.310



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	51.246.810.716	51.246.810.716	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.093.606.962	11.092.930.662	10.000.429.846	5.186.107.778
Thuế thu nhập cá nhân	644.891.373	3.968.372.904	4.118.974.882	494.289.395
Thuế tài nguyên	11.030.949.345	226.707.231.685	232.171.113.004	5.567.068.026
Thuế đất và tiền thuê đất	-	2.477.314.870	2.477.314.870	-
Các loại thuế khác	5.372.751.692	31.215.800	5.401.613.292	2.354.200
Phí bảo vệ môi trường	1.498.593.302	22.451.024.746	21.902.438.077	2.047.179.971
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	137.991.902.000	137.991.902.000	-
Cộng	<u>22.640.792.674</u>	<u>455.966.803.383</u>	<u>465.310.596.687</u>	<u>13.296.999.370</u>
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	19.896.808.437	19.896.808.437	-	-
Cộng	<u>19.896.808.437</u>	<u>19.896.808.437</u>	<u>-</u>	<u>-</u>



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Chi phí phải trả

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	290.181.820	155.729.629
Chi phí kiểm toán	108.500.000	39.900.000
Các khoản trích trước khác	181.681.820	115.829.629
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>290.181.820</u>	<u>155.729.629</u>

5.13 Phải trả khác

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	6.368.483.083	12.399.756.774
Kinh phí công đoàn	30.630.153	-
Bảo hiểm y tế	26.932.160	496.862.545
Cổ tức phải trả	-	4.589.984.939
Nhà ăn	-	2.098.863.600
Ứng trước tiền ố	928.572.856	-
Quỹ hỗ trợ	2.395.066.892	2.806.464.620
Tiền lĩnh chậm	1.957.784.371	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.029.496.651	2.407.581.070
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.368.483.083</u>	<u>12.399.756.774</u>

5.14 Dự phòng phải trả

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	8.123.620.380	60.621.474.147
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	8.123.620.380	60.621.474.147
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>8.123.620.380</u>	<u>60.621.474.147</u>



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	232.066.210.000	-	-	22.318.536.430	-	-	254.384.746.430
- Tăng vốn trong năm trước	22.085.780.000	-	-	-	-	-	22.085.780.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	30.920.018.196	30.920.018.196
- Tăng khác	-	-	-	3.938.813.669	-	-	3.938.813.669
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(22.085.780.000)	-	(30.920.018.196)	(53.005.798.196)
Hội tổ số dư đầu	-	-	-	-	-	(1.096.703.304)	(1.096.703.304)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	254.151.990.000	-	-	4.171.570.099	-	(1.096.703.304)	258.323.560.099
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	43.300.087.635	43.300.087.635
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	254.151.990.000	-	-	4.171.570.099	-	42.203.384.331	300.526.944.430



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	188.594.246.000	188.594.246.000
Vốn góp của đối tượng khác	65.557.744.000	65.557.744.000
Cộng	254.151.990.000	254.151.990.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	254.151.990.000	232.066.210.000
Vốn góp tăng trong năm	-	22.085.780.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	254.151.990.000	254.151.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ tức

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.415.199	25.415.199
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu phổ thông	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.415.199	25.415.199



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ phiếu phổ thông	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
Các quỹ của doanh nghiệp		
	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	4.171.570.099	4.171.570.099
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	4.171.570.099	4.171.570.099

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng	2.367.452.355.774	2.187.416.369.753
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.195.013.846	57.793.714.310
Cộng	2.404.647.369.620	2.245.210.084.063

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2016	Năm 2015
	(VND)	(VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.913.751.815.774	1.790.745.054.102
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	34.480.875.974	55.094.293.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.324.499.529)	13.146.055.041
Cộng	1.933.908.192.219	1.858.985.402.387

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi	149.834.283	57.671.490
Lãi ký quỹ	323.095.728	265.865.106
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	10.679.974.945
Cộng	472.930.011	11.003.511.541

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	203.036.275.200	153.705.760.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.793.826.894
Cộng	203.036.275.200	155.499.587.699

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.720.392.000	2.159.072.656
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	-	-
Tiền phạt thu được	-	79.493.485
Thu nhập quà biếu, tặng	-	4.161.603.714
Các khoản khác	1.593.222.352	2.332.359.869
Cộng	3.313.614.352	8.732.529.724

6.6 Chi phí khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Xuất dùng quà biếu tặng	-	3.734.202.622
Thuốc khám chữa bệnh thường xuyên	2.580.573.817	-
Các khoản bị phạt	1.071.635.015	-
Các khoản khác	508.319.182	1.829.762.522
Cộng	4.160.528.014	5.563.965.144

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	172.551.956.665	169.905.490.768
Chi phí nhân viên	39.363.867.607	46.973.816.965
Chi phí bằng tiền khác	116.925.719.565	107.840.796.208
Các chi phí khác	16.262.369.493	15.090.877.595
b. Chi phí bán hàng	40.383.943.588	35.344.140.361
Chi phí nhân viên	19.184.246.243	13.387.104.596
Chi phí vật liệu, bao bì	14.224.493.128	16.809.744.263
Các khoản khác	6.975.204.217	5.147.291.502
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	212.935.900.253	205.249.631.129

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2.451.812.768.857	2.404.985.757.745
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	553.562.942.080	609.310.610.057
Chi phí nhân công	627.046.485.630	624.910.549.607
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.142.509.648	205.272.544.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.170.848.841	409.767.674.810
Chi phí khác bằng tiền	670.889.982.658	555.724.378.909
b. Các khoản ghi giảm chi phí	(14.324.499.529)	-
Hoàn nhập dự phòng	(14.324.499.529)	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	2.437.488.269.328	2.404.985.757.745

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11.092.930.662	8.727.520.773
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.092.930.662	8.727.520.773

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	43.300.087.635	30.920.018.196
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(18.867.985.452)	(9.190.565.227)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	24.432.102.183	21.729.452.969
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.415.199	25.415.199
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	961,32	854,98

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Năm 2016 (VND)</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.514.793.497.520
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Năm 2016 (VND)</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.753.716.078.014
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

an Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

ràng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.269.600.043	-	1.269.600.043
Phải thu khách hàng	145.509.360.764	-	145.509.360.764
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.474.042.068	17.511.399.113	18.985.441.181
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	148.253.002.875	17.511.399.113	165.764.401.988
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	257.230.205.359	2.974.030.857.899	3.231.261.063.258
Phải trả người bán	231.855.759.856	309.604.632.305	541.460.392.161
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	99.180.355.230	-	99.180.355.230
Tổng cộng	588.266.320.445	3.283.635.490.204	3.871.901.810.649
Chênh lệch thanh khoản thuần	(440.013.317.570)	(3.266.124.091.091)	(3.706.137.408.661)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 01/01/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	657.908.253	-	657.908.253
Phải thu khách hàng	30.561.427.509	-	30.561.427.509

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	5.422.341.282	13.757.006.979	19.179.348.261
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	36.641.677.044	13.757.006.979	50.398.684.023
Ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	52.474.127.093	2.417.709.516.659	2.470.183.643.752
Phải trả người bán	66.399.252.221	101.074.614.089	167.473.866.310
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	125.046.030.778	-	125.046.030.778
Tổng cộng	243.919.410.092	2.518.784.130.748	2.762.703.540.840
Chênh lệch thanh khoản thuần	(207.277.733.048)	(2.505.027.123.769)	(2.712.304.856.817)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	145.509.360.764	30.561.427.509	145.509.360.764	30.561.427.509
<i>Các khoản phải thu khác</i>	18.985.441.181	19.179.348.261	18.985.441.181	19.179.348.261
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản TĐ tiền</i>	1.269.600.043	657.908.253	1.269.600.043	657.908.253



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tổng cộng	165.764.401.988	50.398.684.023	165.764.401.988	50.398.684.023
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	3.231.261.063.258	2.470.183.643.752	3.231.261.063.258	2.470.183.643.752
Phải trả người bán	541.460.392.161	167.473.866.310	541.460.392.161	167.473.866.310
Phải trả khác	99.180.355.230	125.046.030.778	99.180.355.230	125.046.030.778
Tổng cộng	3.871.901.810.649	2.762.703.540.840	3.871.901.810.649	2.762.703.540.840

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực sản xuất kinh doanh than và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh Than VND	Hoạt động Khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2015			
Doanh thu	2.187.416.369.753	57.793.714.310	2.245.210.084.063
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.803.891.109.143	55.094.293.244	1.858.985.402.387
Lợi nhuận gộp	383.525.260.610	2.699.421.066	386.224.681.676
Năm 2016			
Doanh thu	2.367.452.355.774	37.195.013.846	2.404.647.369.620
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.899.427.316.245	34.480.875.974	1.933.908.192.219
Lợi nhuận gộp	453.700.540.000	2.714.137.872	470.739.177.401

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.2 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2016 và giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê than bán nội bộ Tập đoàn.
- Phụ lục 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ lục 03: Báo cáo chi tiết TSCĐ mua trực tiếp từ các đơn vị nội bộ Tập đoàn để hình thành tài sản.
- Phụ lục 04: Báo cáo chi tiết TSCĐ bán trực tiếp cho các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2016 (VND)
Thù lao, lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	132.480.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban Giám đốc	1.978.576.763
Cộng	2.111.056.763

8.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.5 Hồi tố số dư đầu năm

Điều chỉnh hồi tố số dư tại ngày 01/01/2016 đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán:

Điều chỉnh hồi tố số dư tại ngày 01/01/2016 đối với các khoản mục Thuế và khoản phải nộp Nhà nước và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo kết quả thanh tra thuế năm tài chính 2015 tại Công ty:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán

Chi tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2015 trên BCTC đã được kiểm toán	Số liệu thay đổi tăng/ giảm	Số liệu tại ngày 01/01/2016 trên BCTC đã được trình bày lại
NỢ PHẢI TRẢ			
Thuế và các khoản Nhà nước	21.544.089.370	1.096.703.304	22.640.792.674
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(1.096.703.304)	(1.096.703.304)

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP

ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH

GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH CƯỜNG

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm 2016

Đơn vị: VND

STT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3
	Doanh thu bán than				2.367.452.355.774
1	Công ty kho vận Hòn Gai - Vinacomin		723.384	1.175.839	850.583.716.935
2	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin		1.476.004	1.027.686	1.516.868.638.839
	Tổng cộng				2.367.452.355.774

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH CƯỜNG

3440640
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
PKF
IẾT N
YUÂN - T

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	2
A	CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HẠN		
I	Nợ phải thu	145.491.998.627	4.326.259
1	Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam	26.957.778	-
2	Công ty Tuyên than Hòn Gai - Vinacomin	117.882.767.544	-
3	CTy TNHH MTV môi trường - TKV	74.686.730	-
4	Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	3.922.751.775	-
5	Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 1 - Vinacomin	116.673.740	-
6	Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	23.468.161.060	-
7	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh		4.326.259
II	Nợ phải trả	-	122.559.663.574
8	Công ty CP Sản xuất & kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	137.867.400
9	Công ty CP Cơ khí mỏ và đóng tàu - TKV	-	10.678.322.713
10	Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	138.085.050
11	Công ty CP Vật tư - TKV	-	1.872.330.834
12	Công ty CP Vật tư - TKV - XN vật tư Hòn Gai	-	2.743.086.259
13	Công ty CP Vật tư - TKV - XN vật tư Cẩm Phả	-	3.122.777.000
14	Trường cao đẳng nghề than khoáng sản Việt Nam	-	1.183.156.461
15	CN CT CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin, CN Hà Nội	-	9.160.716.990
16	Công ty CP Giám định - Vinacomin	-	91.989.758
17	Công ty CP than Núi Béo - VINACOMIN	-	193.810.016
18	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - VINACOMIN	-	242.330.000
19	Trung tâm Cấp cứu mỏ - Vinacomin	-	381.003.409
20	Công ty Tư vấn QLDA - Vinacomin	-	477.699.225
21	Công ty CP Cơ khí & thiết bị áp lực - VVMI	-	868.536.124
22	Cty CP phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	-	2.366.568.768
23	Trung tâm an toàn mỏ	-	481.830.835
24	Công CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	-	909.732.257
25	Công ty CP vật tư mỏ địa chất Vimico	-	894.344.440
26	Viện cơ khí năng lượng mỏ - Vinacomin	-	14.047.857.557
27	CN Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	-	3.874.589.066
28	CN Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin - XN TMại & Chuyển giao công nghệ	-	200.640.000
29	CN Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin - XN dịch vụ tổng hợp & xây dựng	-	938.590.400
30	Cty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	-	22.515.170.935
31	Công ty CP Địa chất mỏ - Vinacomin	-	1.215.046.465
32	Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin - CN Đá quý Việt Nhật - Vimico	-	2.203.200.000
33	Công ty Than Hòn Gai- TKV	-	1.074.957.116
34	CN Hà Nội - Công ty Cổ phần vật tư - TKV	-	3.667.950.000
35	Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 2 - Vinacomin		21.398.427.351
36	Công ty CP Đầu tư thương mại & dịch vụ - Vinacomin □		2.338.473.188
37	Công ty CP Đầu tư, khoáng sản và dịch vụ		6.940.249.145
38	Công ty CP Xuất nhập khẩu than - VINACOMIN		6.200.324.812

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	2
B	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN		
I	Nợ phải thu	-	-
II	Nợ phải trả	-	154.527.137.676
40	Công ty CP Đầu tư thương mại & dịch vụ - Vinacomin		23.305.698.000
41	Công ty CP Đầu tư, khoáng sản và dịch vụ		69.402.491.451
42	Công ty CP Xuất nhập khẩu than - VINACOMIN		61.818.948.225

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN HUYỀN THƯƠNG

VŨ THỊ MINH THANH

TRẦN MẠNH CƯỜNG



BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ

Lũy kế đến 31/12/2016

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	TGKH	TGKH còn lại	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, QL, bán hàng)	Hóa đơn	
											Số hiệu	Ngày tháng
A	TSCĐ, HÀNG TỒN KHO, CÔNG TRÌNH XD CB MUA CỦA ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐÃ TĂNG TÀI SẢN ĐỂ TRÍCH KHẤU HAO TÍNH ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO											
	TỔNG CỘNG		134.326.978.658	431.432.972.259	29.186.167.425	402.246.804.834						
1	Công ty CP tin học công nghệ môi trường Vinacomin		176.496.293	2.305.976.028	239.895.893	2.066.080.135						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>		176.496.293	2.305.976.028	239.895.893	2.066.080.135						
	Lập báo cáo KTKT-XDCT cải tạo đường NB từ TD +28 lên MB +65 và SCN+75; HĐ số 833-19/10/2015		136.871.184							SXKD	0149230	16/03/16
	Lập báo cáo KTKT, ĐTXD CT xử lý nước thải SH cho nhà TTCN và nhà ĐH Cty; HĐ số 105 ngày 5/6/2015	1	7.493.923	2.305.976.028	239.895.893	2.066.080.135	17/12/15	10	8,96	SXKD	0149251	28/04/16
	Lập báo cáo KTKT-XDCT xử lý nước thải sinh hoạt Nhà nghỉ SB; HĐ số 175 ngày 8/8/2016		32.131.186		-					SXKD	0080703	30/11/16
2	Công ty cổ phần vật tư mỏ địa chất Vimico		16.260.808.000	16.257.171.636	967.688.788	15.289.482.848						
	<i>Máy móc thiết bị</i>		16.260.808.000	16.257.171.636	967.688.788	15.289.482.848						
	Cung cấp và hướng dẫn lắp đặt VHTB trạm điện trung tâm (Giai đoạn 2); HĐ số 76 ngày 16/2/2016	1	16.260.808.000	16.257.171.636	967.688.788	15.289.482.848	01/10/16	7	6,75	SXKD	0001927	17/06/16
3	Cty CP Cơ khí Mạo Khê Vinacomin		30.733.560.568	8.722.481.818	13.417.758	8.709.064.060						
	<i>Máy móc thiết bị</i>		30.733.560.568	8.722.481.818	13.417.758	8.709.064.060						
	Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng; HĐ số 09 ngày 8/1/2016		11.659.509.949		-					SXKD	0029737	20/12/16
	Giảm trừ giá trị do phạt chậm tiến độ-Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng; HĐ số 09 ngày 8/1/2016		-559.689.381		-					SXKD	029788	30/12/16
	Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng; HĐ số 09 ngày 8/1/2016		10.909.740.000							SXKD	0029523	29/07/16
	Mua 02 hệ thống vận chuyển vật liệu hầm lò mini; HĐ số 362 ngày 22/12/2016	1	8.724.000.000	8.722.481.818	13.417.758	8.709.064.060	28/12/16	7	6,99	SXKD	0029774	28/12/16
4	Công ty CP Hạ Long		899.738.000	899.738.000	3.456.919	896.281.081						
	<i>Máy móc thiết bị</i>		899.738.000	899.738.000	3.456.919	896.281.081						
	Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt thiết bị trạm bơm tăng áp cứu hỏa mặt bằng +75; HĐ số 146 ngày 8/3/2016		899.738.000	899.738.000	3.456.919	896.281.081	22/12/16	7	6,98	SXKD	0000925 0000937	01/08/16
5	Công ty CP Đầu tư, thương mại & dịch vụ - Vinacomin		25.747.728.000	25.897.728.000	189.280.651	25.708.447.349						
	<i>Máy móc thiết bị</i>		25.747.728.000	25.897.728.000	189.280.651	25.708.447.349						



STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	TGKH	TGKH còn lại	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, QL, bán hàng)	Hóa đơn	
											Số hiệu	Ngày tháng
	Giá trị giảm trừ theo BB làm việc ngày 1/11/2016 - Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị chống giữ lò chợ; HĐ số 508 ngày 5/7/2016	1	-22.572.000	25.897.728.000	189.280.651	25.708.447.349	22/12/16	7	6,98	SXKD	0242754	01/11/16
	Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị chống giữ lò chợ; HĐ số 508 ngày 5/7/2016		25.770.300.000		-					SXKD	0242753	01/11/16
6	CN Công ty CP XNK Than - Vinacomin tại Quảng Ninh		5.232.000.000	5.232.000.000	949.895.161	4.282.104.839						
	Máy móc thiết bị		5.232.000.000	5.232.000.000	949.895.161	4.282.104.839						
	Mua 02 Quạt gió cục bộ PN CS2x30 kw	2	372.000.000	372.000.000	93.000.000	279.000.000	01/02/16	7	6,08	SXKD	0026017	01/02/2016
	Mua 03 quạt cục bộ PN 2x45 kw	3	990.000.000	990.000.000	247.500.000	742.500.000	01/02/16	7	6,08	SXKD	0026017	01/02/2016
	Mua 15 KĐT phòng nổ I=200A; mã hiệu QJZ16-200/1140 (660)	15	690.000.000	690.000.000	172.500.000	517.500.000	01/02/16	7	6,08	SXKD	0026016	01/02/2016
	Mua 05 KĐT phòng nổ I=400A; mã hiệu QJZ16-400/1140 (660)	5	275.000.000	275.000.000	68.750.000	206.250.000	01/02/16	7	6,08	SXKD	0026016	01/02/2016
	Mua 01 hệ thống máy đẩy goòng, mã hiệu HTLY-01/2; HĐ số 01 ngày 29/1/2016	1	2.905.000.000	2.905.000.000	368.145.161	2.536.854.839	12/07/16	7	6,53	SXKD	0081547	12/7/2016
7	Công ty CP công nghiệp ô tô -VINACOMIN		10.638.535.000	63.008.600.984	3.107.775.799	59.900.825.185						
	Máy móc thiết bị		10.638.535.000	63.008.600.984	3.107.775.799	59.900.825.185						
	Cung cấp và hướng dẫn lắp đặt, vận hành hệ thống monoray vận tải trong lò; HĐ số 59 ngày 28/1/2016	1	10.010.983.000	63.008.600.984	3.107.775.799	59.900.825.185	27/10/16	7		SXKD	0022350	27/06/16
	Cung cấp và hướng dẫn lắp đặt, vận hành hệ thống monoray vận tải trong lò; HĐ số 59 ngày 28/1/2016	1	627.552.000							SXKD	0022349	27/06/16
8	Công ty CP XNK than - Vinacomin		9.246.900.000	9.245.536.365	202.279.954	9.043.256.411						
	Máy móc thiết bị		9.246.900.000	9.245.536.365	202.279.954	9.043.256.411						
	Mua bình tự cứu cách ly độc lập, ký hiệu 1 PVMKS; HĐ số 300 ngày 16/5/2016	300	2.580.000.000	2.578.636.365	179.237.013	2.399.399.352	06/07/16	7	6,51	SXKD	0025545	6/7/2016
	Băng tải cố định B=1000,L=270 m; HĐ số 1502 ngày 15/2/2016	1	6.666.900.000	6.666.900.000	23.042.941	6.643.857.059	23/12/16	7	6,98	SXKD	0025641	25/05/16
9	Công ty Tư vấn Quản lý dự án - Vinacomin		264.152.311	-	-	-						
	Máy móc thiết bị		264.152.311	-	-	-						
	Chi phí giám sát TCXD hệ thống băng tải và TB xường sàng; HĐ số 844 ngày 23/10/2015		264.152.311							SXKD	0095201	27/12/16
10	CN Tập đoàn CN than KSVN Công ty XD mỏ Hàm lò II - TKV		-110.930.027	236.089.821.506	22.720.472.070	213.369.349.436						
	Nhà cửa, vật kiến trúc		-110.930.027	236.089.821.506	22.720.472.070	213.369.349.436						
	Đào lò XDCB giai đoạn I năm 2014; HĐ số 438 ngày 27/2/2014		-6.979.585	236.089.821.506	22.720.472.070	213.369.349.436	15/01/16	10	9,04	SXKD	0157287	27/12/16
	Thi công đổ bê tông trong lò một số hạng mục; HĐ số 1410 ngày 4/12/2013		-94.909.571							SXKD	0157288	27/12/16
	Đào lò XDCB năm 2013; HĐ số 350 ngày 26/3/2013		-9.040.871							SXKD	0157289	27/12/16
11	Công ty Tư vấn Quản lý dự án - Vinacomin		618.260.416	7.148.536.349	142.202.067	7.006.334.282						
	Nhà cửa, vật kiến trúc		618.260.416	7.148.536.349	142.202.067	7.006.334.282						
	Tư vấn quản lý dự án công trình cải tạo, sửa chữa đường nội bộ đoạn từ trạm điện +28 lên MB +65 và đoạn vào SCN +75; HĐ số 06 ngày 4/4/2016	1	100.155.160	7.148.536.349	142.202.067	7.006.334.282	20/10/16	10	9,80	SXKD	095192	20/12/16
	Chi phí giám sát TCXD hệ thống băng tải và lắp đặt TB Xường sàng; HĐ số 844 ngày 23/10/2015		518.105.256							SXKD	0095154	29/09/16

STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kể đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	TGKH	TGKH còn lại	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, QL, bán hàng)	Hóa đơn	
											Số hiệu	Ngày tháng
12	Công ty than Dương Huy-TKV Máy móc thiết bị		250.000.000	250.181.818	1.935.343	248.246.475						
	Máy đào lò Combai AM-50Z	1	250.000.000	250.181.818	1.935.343	248.246.475	12/12/16	10	9,95	SXKD	0020264	12/12/16
13	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin Máy móc thiết bị		17.839.328.811	39.848.889.379	149.121.003	39.699.768.376						
	Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng; HĐ số 09 ngày 8/1/2016	1	16.038.733.567	37.988.086.879	146.262.628	37.841.824.251	28/12/16	7	6,99	SXKD	0028606	12/12/16
	Giảm giá trị do phạt tiền độ-Cung cấp, lắp đặt hệ thống băng tải và thiết bị xường sàng; HĐ số 09 ngày 8/1/2016		-60.207.256			-			-	SXKD	0028670	27/12/16
	Cung cấp hệ thống thiết bị để sửa chữa đầu tàu; HĐ số 167 ngày 1/6/2016	1	1.860.802.500	1.860.802.500	2.858.376	1.857.944.124	28/12/16	7	7,00	SXKD	0081538	30/05/16
14	Công ty CP XNK than - Vinacomin, CN Hà Nội Máy móc thiết bị		13.694.594.286	13.690.048.831	302.411.354	13.387.637.477						
	Giảm giá trị do phạt chậm tiến độ thực hiện HĐ 567 ngày 19/7/2016 - Toa xe chở người cỡ đường 600 mm loại chở 12 người mã hiệu PR12-613; HĐ số 567 ngày 19/7/2016	48	-103.405.714	8.896.594.286	64.947.591	8.831.646.695	22/12/16	7	6,98	SXKD	0082825	14/12/16
	Toa xe chở người cỡ đường 600 mm loại chở 12 người mã hiệu PR12-613; HĐ số 567 ngày 19/7/2016		9.000.000.000							SXKD	0082821	23/11/16
	Tàu điện ác quy khối lượng tám tấn, cỡ ray 600 mm, CTL8/6GB; HĐ số 450 ngày 14/6/2016	4	4.798.000.000	4.793.454.545	237.463.762	4.555.990.783	27/10/16	7	6,82	SXKD	0082133	12/10/16
15	Công ty than Hồng Thái - TKV Máy móc thiết bị		1.366.807.000	1.367.261.545	75.083.871	1.292.177.674						
	Máy đào lò Combai AM-50Z; HĐ số 02 ngày 5/10/2016		1.366.807.000	1.367.261.545	75.083.871	1.292.177.674	13/10/16	7	6,78	SXKD	0080336	14/10/16
16	Viện khoa học công nghệ mỏ - VINACOMIN Máy móc thiết bị		1.469.000.000	1.469.000.000	121.250.794	1.347.749.206						
	Đầu đo khí mê tan (0+100)% CH4 (đồng bộ cả dây nguồn+cát điện+còi báo động) mã hiệu SC-CH4/n	5	465.000.000	465.000.000	38.380.952	426.619.048	03/06/16	7	6,93	SXKD	0089882	03/06/16
	Đầu đo khí CO (0-1000) PPM (đồng bộ cả dây nguồn + còi báo động) mã hiệu SC-CO/s	8	744.000.000	744.000.000	61.409.524	682.590.476	03/06/16	7	6,93	SXKD	0089882	03/06/16
	Bộ đóng cắt liên động, mã hiệu ĐCLĐ-400	2	260.000.000	260.000.000	21.460.317	238.539.683	03/06/16	7	6,93	SXKD	0089882	03/06/16
B	TSCĐ, HÀNG TỒN KHO, CÔNG TRÌNH XDCB MUA CỦA ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN NHƯNG CHƯA TĂNG TÀI SẢN ĐỂ TRÍCH KHẤU HAO TÍNH ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO											
	TỔNG CỘNG		192.504.619.621	-	-	-						
1	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & CN - Vinacomin Tài sản cố định khác		3.993.468.337	-	-	-						
	Tư vấn giám sát thi công một số đường lò XDCB (KL còn lại); HĐ số 554-9/6/2015	1	671.456.676								0254529	18/01/16
	Gsát TCXD 1 số đường lò sân ga ĐG, lò XV đặt Đay mức - 300 & lò XV Đ BT-290; HĐ số 11997-23/12/2011	1	564.839.572								0254530	18/01/16
	Lập HSMT đánh giá HSDT GT CC, HDLĐ và VHTB lò chợ CGH ĐB lò chợ 7-2 vỉa 7; HĐ 847 ngày 23/10/2015	1	449.082.659								0092902	30/05/16

STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	TGKH	TGKH còn lại	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, QL, bán hàng)	Hóa đơn	
											Số hiệu	Ngày tháng
	Tư vấn giám sát thi công một số đường lò XDCB (KL còn lại); HĐ số 554 ngày 9/6/2014		627.418.874								0000066	25/08/16
	Tư vấn giám sát thi công một số đường lò XDCB (Khối lượng còn lại); HĐ số 554 ngày 9/6/2016		1.483.874.301								0105773	28/12/16
	GS TCXD 1 số đi SGĐG lò XV đặt ĐR mức -300 và lò XV đặt BT mức -290; HĐ số 11997 ngày 23/12/2011		196.796.255								0105774	28/12/16
2	Công ty CP tin học công nghệ môi trường Vinacomin		360.072.000	-								
	Tài sản cố định khác		360.072.000	-								
	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi DA mua sắm thiết bị phục vụ SX số 1 năm 2016; HĐ số 109 ngày 3/6/2016		360.072.000								0080661	26/10/16
3	Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin		812.727.273	-								
	Tài sản cố định khác		812.727.273	-	-	-	00/01/00	-	-	-		
	Giám sát TC XD cung cấp và lắp đặt TB trạm xử lý nước thải HL và TBA 6/0.4kv; HĐ 11 ngày 10/5/2016		812.727.273								0095150	28/09/16
4	CN Công ty CP XNK Than - Vinacomin coalimex		110.135.860.560	-								
	Máy móc thiết bị		110.135.860.560	-								
	Cung cấp hệ thống thiết bị vận tải trong lò phân vận tải via 7; HĐ 226 ngày 5/4/2016	1	51.180.496.000								0082144	11/11/16
	Cung cấp và lắp đặt hệ thống thiết bị vận tải trong lò-Phân VT cho via 11; HĐ số 193 ngày 25/3/2016	1	58.955.364.560								0000369	05/10/16
5	Công ty CP đầu tư, khoáng sản và dịch vụ		77.202.491.451									
	Giảm giá do phạt chậm tiến độ - Cung cấp hệ thống thiết bị vận tải trong lò- phân vận tải chung; HĐ số 238 ngày 8/4/2016		-797.508.549								0000049	23/12/16
	Cung cấp hệ thống thiết bị vận tải trong lò- Phân vận tải chung; HĐ số 238 ngày 8/4/2016		78.000.000.000								0000039	01/11/16

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Ninh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Minh Thanh

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



GIÁM ĐỐC

Trần Mạnh Cường

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN BÁN TRỰC TIẾP CHO CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm 2016

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá vốn hàng bán	Doanh thu (theo hóa đơn)	Lãi (+); Lỗ (-)	Hóa đơn	
						Số hiệu	Ngày - tháng
A	B	1	2	3	4 = 3 - 2	5	6
1	Công ty than Hòn Gai-TKV		-	-	-		
	Cải tạo và mở rộng trạm biến áp 35/22/6kv	01 trạm	2.361.084.370	1.354.062.000	(1.007.022.370)	0017092	28/10/2016
	Tổng cộng		2.361.084.370	1.354.062.000	(1.007.022.370)	0017092	28/10/2016

LẬP BIỂU

Trần Ninh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Minh Thanh

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Trần Mạnh Cường